

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **375/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 23 - 09 - 2022
V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Năm.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Chánh.**

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Văn Thanh** – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Bà **Nguyễn Thị
Huỳnh Như** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 2164/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 07 năm 2022, về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 08 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Anh T**, sinh năm 1972.

Địa chỉ : Thôn Lão Cầu, Xã T, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: Bà **Đoàn Thị S**, sinh năm 1975.

Địa chỉ : Tổ 17A, Khu phố , Phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T và bà S đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Lê Anh Tuấn trình bày:

Tôi và bà Đoàn Thị S kết hôn với nhau vào năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã T, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam (Nay là Xã T, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam). Quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn do lối sống tính cách không còn phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Năm 1999 vợ chồng có sinh được 01 cháu trai, cháu bị thiếu năng trí tuệ nên bà S chán nản bỏ chồng con rồi đi làm ăn nơi khác. Từ đó vợ chồng hay cãi vã xích mích. Quá trình bà S bỏ đi tôi có tìm kiếm đề nghị bà quay về nhưng không tìm được. Nay tôi được biết bà S

đang ở địa chỉ Tổ 17A, Khu phố , Phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên tôi đề nghị Tòa án xem xét cho tôi được ly hôn với bà S do chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2004 đến nay.

-Về con chung : Có 01 con chung tên Lê Mạnh H, sinh ngày 22/03/1999.

Khi ly hôn tôi xin được nuôi dưỡng cháu H vì cháu đã trưởng thành nhưng cháu bị thiếu năng trí tuệ, không có khả năng lao động. Tôi yêu cầu bà S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng kể từ ngày 01/08/2021.

-Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

-Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn bà Đoàn Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung như ông T trình bày là đúng. Nay ông T có đơn xin được ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn do chúng tôi không tìm được tiếng nói chung, không có hạnh phúc.

Về con chung : Có 01 con chung tên Lê Mạnh H, sinh ngày 22/03/1999.

Khi ly hôn tôi đồng ý giao cháu H cho ông T nuôi dưỡng vì cháu đã trưởng thành nhưng không có khả năng lao động, bị thiếu năng trí tuệ. Tôi sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng kể từ ngày Tòa án xét xử.

-Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

-Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống vợ chồng giữa ông T và bà S phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông T. Cho ông T được ly hôn với bà S.

Về con chung : Có 01 con chung tên Lê Mạnh H, sinh ngày 22/03/1999.

Giao cháu H đã thành niên nhưng vì cháu không có khả năng lao động, bị thiếu năng trí tuệ cho ông T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu H có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Về tài sản chung : Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung : Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật. Bà S chịu án phí về việc cấp dưỡng theo qui định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông T khởi kiện về việc “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bà Đoàn Thị S hiện đang cư trú tại : Tổ 17A, Khu phố , Phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đầy đủ. Tuy nhiên, các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà S tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại UBND Xã T, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam (Nay là Xã T, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam) nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nay ông T có đơn xin được ly hôn với bà S do vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2004 đến nay.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập các đương sự đến Toà để làm việc, dự phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hai người có điều kiện hòa giải, hàn gắn đoàn tụ nhưng các đương sự không đến. Qua đó cho thấy các đương sự không còn tình cảm với nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để cho họ được ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận đơn khởi kiện của ông Tuấn, cho ông Tuấn được ly hôn với bà Sâm.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Mạnh H, sinh ngày 22/03/1999.

Giao cháu H đã thành niên nhưng vì cháu không có khả năng lao động, bị thiếu năng trí tuệ cho ông T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu H có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Riêng ông T yêu cầu bà S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu H với số tiền là 2.000.000đ/tháng kể từ ngày 01/08/2021 nhưng không được bà S đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

Bà S được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật. Bà S chịu án phí về việc cấp dưỡng theo qui định của pháp luật

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 9 và Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 84, Điều 118 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Xin ly hôn” của nguyên đơn ông Lê Anh T.

Ông **Lê Anh T** được ly hôn với bà **Đoàn Thị S**.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Mạnh H, sinh ngày 22/03/1999.

Giao cháu H đã thành niên nhưng vì cháu không có khả năng lao động, bị thiếu năng trí tuệ cho ông T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng) kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu H có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Không chấp nhận đề nghị của ông T về việc yêu cầu bà S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng kể từ ngày 01/08/2021.

Bà S được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí:

Ông Lê Anh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo phiếu thu số 0004827 ngày 01/07/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Bà Đoàn Thị S phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí về việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án DS TP Biên Hòa, ĐN.
- Thi hành án DS TP Phú Lý, Hà Nam.
- UBND nơi cấp GCNKH.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Năm

HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ SÔ THẨM

Càùc Hoài thaâm nhaân daân
phieân toøa

Thaâm phaùn - Chuû toïa

